

ĐỀ CƯƠNG
NỘI DUNG BÁO CÁO THTK, CLP (BỔ SUNG)

(Kèm theo Công văn số /STC-TTr ngày /01/2024 của Sở Tài chính)

1. Tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị.

2. Lập, thẩm định, chấp hành dự toán, quyết toán NSNN, bao gồm kế hoạch đầu tư công hằng năm.

- Bổ sung nội dung số tiết kiệm NSNN trong năm (báo cáo rõ việc quản lý, sử dụng số tiết kiệm này) số chuyển nguồn sang năm sau. Nguyên nhân lý do vượt hoặc không đạt dự toán.

- Bổ sung nội dung số chuyển nguồn NSNN; không đủ điều kiện quyết toán.

3. Lập, thẩm định kế hoạch tài chính:

Bổ sung nội dung Việc thực hiện các chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí; việc phát hiện các sai phạm và xử lý trách nhiệm trong trường hợp có hành vi vi phạm.

4. Lập, thẩm định, phê duyệt, giao, thực hiện kế hoạch đầu tư công:

Bổ sung nội dung Tình hình giao kế hoạch, trong đó: đúng thời gian quy định; không đúng thời gian quy định của pháp luật. Kết quả thực hiện kế hoạch so với kế hoạch đề ra; số tiết kiệm, lãng phí cụ thể.

5. Bổ sung nội dung Lập, thẩm định, triển khai thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư công, cụ thể như sau:

- Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, bố trí kế hoạch đầu tư công. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình; lựa chọn nhà thầu tư vấn, tư vấn giám sát thực hiện dự án đầu tư.

- Việc ban hành, thực hiện các văn bản phân cấp thẩm quyền trong đấu thầu, thương mại, đầu tư dự án, quản lý dự án (có kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, đúng thẩm quyền, không gây ách tắc không). Có trường hợp nào không rõ ràng gây chậm trễ trong quyết định phê duyệt/ thực hiện dự án không?

- THTK, CLP trong tổ chức lễ động thổ, khởi công, khánh thành công trình xây dựng. Việc tuân thủ các quy định về việc tổ chức lễ động thổ, khởi công, khánh thành công trình xây dựng; việc xem xét, cắt giảm, tiết kiệm kinh phí (nếu có).

- Việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện; việc xác định và thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí các dự án. Việc phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý các dự án sử dụng vốn NSNN có đúng quy định không?

- Tổng hợp kết quả tình hình thực hiện các dự án (chi tiết phân loại theo các dự án hoàn thành, đã đưa vào sử dụng; dự án dở dang; dự án chuyển tiếp; dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư; dự án, các hạng mục dự án hoàn thành tiết kiệm kinh phí so với dự toán được giao,...); tổng hợp số liệu cụ thể các dự án treo và thời kỳ trước, sau có liên quan; số lượng và chỉ rõ danh mục dự án đầu tư hoàn thành không

phát huy hiệu quả, không bàn giao đưa vào sử dụng.

- Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài hằng năm (số thực hiện so với kế hoạch).

- Các dự án kém hiệu quả, dự án không bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ; khả năng đáp ứng nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng.

- Việc rà soát, xử lý các dự án đầu tư kéo dài nhiều năm, không hiệu quả.

- Thông tin, số liệu tiết kiệm, chống lãng phí các dự án.

6. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn NSNN các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và một số nhiệm vụ, lĩnh vực cụ thể

- Bổ sung nội dung việc xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng CTMTQG, CTMT; các biện pháp tổ chức thực hiện để đạt mục tiêu đã đề ra? Hiệu quả của từng chương trình.

- Bổ sung nội dung tình hình THTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí theo mục đích, tiêu chuẩn, chế độ quy định; tính hiệu quả, khả thi, phù hợp với thực tiễn trong quá trình lập, xây dựng, quản lý, sử dụng kinh phí.

7. Bổ sung nội dung Đánh giá kết quả THTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế theo quy định pháp luật THTK, CLP, các văn bản quản lý và các chỉ tiêu, định mức, mục tiêu đã ban hành.

8. Bổ sung nội dung Tình hình và kết quả THTK, CLP trong quản lý, sử dụng quỹ có nguồn từ NSNN.

9. Bổ sung nội dung Tổng hợp số liệu, tình hình thực hiện, số tiết kiệm kinh phí cho tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; tổ chức đoàn đi nước ngoài; đào tạo, bồi dưỡng; sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm; tiếp khách, tổ chức lễ hội, . . .

10. Bổ sung việc ban hành quy chế quản lý, giao mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện các giải pháp để đạt mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí.

11. Bổ sung nội dung Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan, tổ chức, cụ thể như sau:

- Tổng hợp số liệu các cơ quan, tổ chức được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, tài chính.

- Việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, trong đó lưu ý làm rõ cơ chế sử dụng đối với đơn vị tự chủ toàn diện có số thu cao hơn số chi.

- Đánh giá tính hiệu quả, THTK, CLP trong việc thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; việc giao khoán một số khoản kinh phí theo quy định.

12. Bổ sung nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước:

Căn cứ quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định của

Chính phủ số: 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021, báo cáo cần phân tích, bổ sung làm rõ tình hình và kết quả thực hiện trong quản lý, sử dụng, sắp xếp trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội theo các tiêu chí sau:

a) Tổng số cơ sở nhà đất là tài sản công thuộc diện xử lý sau khi sắp xếp. Trong đó:

- Số cơ sở nhà đất đã điều chuyển cho tổ chức khác của Nhà nước để tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Số cơ sở nhà đất đã thu hồi để bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong đó:

+ Số cơ sở nhà đất đã bán thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (liệt kê cụ thể số cơ sở nhà đất bán đấu giá, diện tích đất bán đấu giá, số tiền thu ngân sách từ bán đấu giá).

+ Số cơ sở nhà đất đã bán không qua đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (liệt kê cụ thể từng cơ sở nhà đất bán không qua đấu giá, diện tích đất, số tiền thu ngân sách; lý do cơ sở nhà đất bán không qua đấu giá).

- Số cơ sở nhà đất chuyển mục đích sử dụng đất (liệt kê cụ thể số cơ sở nhà đất chuyển mục đích hoặc công năng sử dụng đất, cơ quan nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, người quản lý, sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất).

- Số cơ sở nhà đất thuộc diện xử lý sau khi sắp xếp nhưng chưa thực hiện xử lý hoặc chưa có phương án tiếp tục sử dụng còn để sử dụng trái mục đích (cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết sử dụng cơ sở nhà đất trái pháp luật)

b) Số cơ sở nhà đất đã chuyển giao về địa phương để quản lý, sử dụng. Kết quả địa phương đã xử lý.

13. Mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

Bổ sung nội dung việc thanh lý, nộp tiền thu được vào NSNN đối với các phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc.

14. Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, đất công vụ; công trình phúc lợi công cộng:

Bổ sung nội dung việc ban hành và thực hiện các mục tiêu, tiêu chí THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà, đất công vụ, công trình phúc lợi công cộng; Quản lý, sử dụng, sắp xếp lại trụ sở làm việc.

15. Việc rà soát, sắp xếp lại tài sản công:

Bổ sung nội dung việc xử lý các sai phạm.

16. Bổ sung nội dung việc quản lý, khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng quốc gia, cụ thể như sau:

- Quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực tài chính từ kết cấu hạ tầng quốc gia theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn.

- Việc đầu tư, bảo trì, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng quốc gia, trong đó làm rõ việc đấu thầu, đấu giá giao, chuyển nhượng quyền khai thác.

- Số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng quốc gia; số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước phải nộp vào ngân sách nhà nước, được ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật.

17. Bổ sung nội dung việc cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết tài sản công, cụ thể như sau:

- Việc hợp nhất, sắp xếp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tình hình kết quả cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết tài sản công.

- Việc chấm dứt, thu hồi tài sản công sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định.

- Việc xử lý tài sản các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc theo đúng quy định của pháp luật, tránh làm thất thoát, lãng phí tài sản.

18. Quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

- Tập trung vào đánh giá tình hình, kết quả thực hiện việc sắp xếp, tinh giảm biên chế, tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó đánh giá chi tiết việc quản lý, sử dụng và tinh giảm biên chế khối sự nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, y tế.

+ Sắp xếp, tinh giảm biên chế, tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Kết quả thực hiện chủ trương tinh giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương; kết quả tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của cơ quan.

+ Việc thu gọn đầu mối, giảm biên chế, số đầu mối các đơn vị trực thuộc cắt giảm; Có thành lập các tổ chức mới không? Việc tuyển dụng công chức theo chỉ tiêu biên chế (chỉ tiêu, đối tượng, thẩm quyền, quy trình tuyển dụng); việc ký hợp đồng lao động; việc tuyển biên chế, ký hợp đồng theo yêu cầu công việc, trình độ đào tạo, năng lực; việc sử dụng thời gian lao động; việc giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị.

+ Việc hợp nhất, sắp xếp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập. Công tác quản lý, sử dụng, tuyển dụng biên chế và tinh giảm biên chế khối sự nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, y tế.

+ Đánh giá về hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan đơn vị sau khi thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế.

- Quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

+ Tình hình quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước; trong đơn vị sự nghiệp công lập; trong các cơ quan, tổ chức khác.

+ Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giải quyết chế độ, chính sách đối với những người dôi dư.

+ Việc nâng cao năng suất lao động theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp tăng năng suất lao động quốc gia.

+ Đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động theo quy định pháp luật THTK, CLP, các văn bản quản lý và các chỉ tiêu, định mức, mục tiêu đã ban hành.

19. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên: bổ sung nội dung

- Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật THTK, CLP và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác khoáng sản; quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật THTK, CLP và các luật chuyên ngành.

- Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng theo quy định của pháp luật THTK, CLP và các văn bản pháp luật chuyên ngành.

- Đánh giá cơ sở tính toán, tính đúng và tính đủ và thu, nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với từng lĩnh vực so sánh đánh giá theo tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá tiết kiệm, hiệu quả theo các quy định pháp luật.

- Về quản lý, sử dụng đất đai: Báo cáo cần tập trung phân tích, đánh giá về tình hình, kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí thống kê dưới đây, đồng thời làm rõ những tác động tích cực, tiêu cực từ các kết quả nêu trên trong việc thực hiện THTK, CLP:

“1. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đánh giá theo các chỉ tiêu mà Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh đã phê duyệt. Trong đó:

a) Đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh: Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được Chính phủ quyết nghị đối với từng địa phương.

b) Đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện: Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 đã được HĐND cấp tỉnh quyết nghị.

c) Đánh giá tình hình và kết quả xây dựng, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy

hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018 (có hiệu lực từ 01/01/2019).

d) Nguyên nhân, kết quả xử lý và các giải pháp khắc phục

2. Về việc Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất:

Bổ sung, làm rõ việc thực hiện các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai liên quan đến giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. Cụ thể:

a) Về giao đất không thu tiền sử dụng đất (quy định tại Điều 54 của Luật Đất đai năm 2013):

- Diện tích đất giao (ha)
- Mục đích sử dụng đất giao
- Đối tượng được giao đất (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân)
- Diện tích đất sử dụng sai mục đích
- Diện tích đất giao nhưng 12 tháng liên tục không sử dụng
- Diện tích đất giao nhưng tiến độ sử dụng chậm hơn 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư được phê duyệt

- Nguyên nhân, kết quả xử lý và các giải pháp khắc phục

b) Về giao đất có thu tiền sử dụng đất (quy định tại Điều 55 của Luật Đất đai năm 2013):

- Diện tích đất giao (ha)
- Mục đích sử dụng đất giao
- Đối tượng được giao đất (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân)
- Diện tích đất sử dụng sai mục đích
- Diện tích đất giao nhưng 12 tháng liên tục không sử dụng
- Diện tích đất giao nhưng tiến độ sử dụng chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư

- Người được giao đất thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất nhưng chưa nộp tiền sử dụng đất (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân), số tiền sử dụng đất chưa nộp (triệu đồng); diện tích đất chưa nộp tiền;

- Nguyên nhân, kết quả xử lý và các giải pháp khắc phục

c) Về thuê đất (quy định tại Điều 56 của Luật Đất đai năm 2013):

- Diện tích đất thuê (ha)
- Đối tượng được Nhà nước cho thuê đất (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân).
- Diện tích đất thuê sử dụng không đúng mục đích
- Diện tích đất thuê nhưng 12 tháng liên tục không sử dụng
- Diện tích đất thuê nhưng tiến độ sử dụng chậm 24 tháng so với tiến độ ghi

trong dự án đầu tư

- Người được Nhà nước cho thuê đất thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất nhưng còn nợ tiền thuê đất; số tiền thuê đất còn nợ (triệu đồng). Trong đó, cần làm rõ số các tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính phải chuyển sang thuê đất theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 56 Luật Đất đai nhưng chưa thực hiện các thủ tục thuê đất và chưa nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật; số tiền thuê đất còn nợ.

- Nguyên nhân, kết quả xử lý và các giải pháp khắc phục

d) Về chuyển mục đích sử dụng đất (quy định tại Điều 57 của Luật Đất đai năm 2013):

- Số các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Diện tích đất được phép chuyển mục đích sử dụng (ha).

- Diện tích đất sử dụng không đúng mục đích.

- Người được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất nhưng còn nợ tiền sử dụng đất; số tiền sử dụng đất còn nợ (triệu đồng).

- Nguyên nhân, kết quả xử lý và các giải pháp khắc phục.

đ) Về việc Nhà nước thu hồi đất:

- Diện tích đất Nhà nước thu hồi để sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai.

- Diện tích đất thu hồi theo quy định tại Điều 64 của Luật Đất đai nhưng chưa thu hồi được (ha). Nêu cụ thể những tổ chức bị thu hồi đất nhưng chưa thu hồi được.

- Diện tích đất thu hồi theo quy định tại Điều 65 của Luật Đất đai nhưng chưa thu hồi được (ha). Nêu cụ thể những tổ chức bị thu hồi đất nhưng chưa thu hồi được.

- Số công trình, dự án chậm triển khai do tiến độ thu hồi đất chậm so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư được phê duyệt. Diện tích đất chậm thu hồi (ha).

- Nguyên nhân, kết quả xử lý và các giải pháp khắc phục.

3. Về việc Nhà nước cấp Giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất cho tổ chức sử dụng đất (quy định tại Điều 102 của Luật Đất đai năm 2013):

a) Số các tổ chức (doanh nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức sự nghiệp, tổ chức khác) được cấp GCN quyền sử dụng đất, diện tích đất đã được cấp GCN.

- Diện tích đất phải xử lý thu hồi khi cấp GCN; diện tích đất đã thu hồi.

- Phương án sử dụng đất đối với diện tích đất đã thu hồi, kết quả thực hiện.

b) Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất của các nông, lâm trường quốc doanh; công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại điều 46 luật đất đai. Trong đó cần bổ sung, làm rõ:

- Số các nông, lâm trường quốc doanh, công ty nông, lâm nghiệp đã hoàn

thành việc sắp xếp đổi mới và đã được cấp GCN quyền sử dụng đất.

- Diện tích đất nông, lâm trường quốc doanh, công ty nông, lâm nghiệp được giữ lại sử dụng theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt sau sắp xếp đổi mới. Trong đó, làm rõ:

+ Diện tích đất còn đang cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư trái pháp luật nhưng chưa được xử lý;

+ Diện tích đất để hoang hóa chưa sử dụng trong 12 tháng liên tục.

- Diện tích đất đã bàn giao cho địa phương và phương án sử dụng đất đối với diện tích đất sau khi địa phương nhận bàn giao.

- Kết quả xử lý và các giải pháp khắc phục.

c) Số các dự án, diện tích đất hiện không triển khai sử dụng do đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra hoặc đã có kết luận điều tra, thanh tra, kiểm tra, xử lý vụ án, vụ việc xong rồi, nhưng chưa được xử lý.”

- **Về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng và các tài nguyên khác:** Bổ sung số liệu tổng hợp chi tiết về việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng, sử dụng tài nguyên tái chế và năng lượng tái tạo, tài nguyên viễn thông, . . . của bộ, ngành, địa phương; tình hình khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo các giấy phép đã được cấp có thẩm quyền cho phép, các vấn đề liên quan đến tiết kiệm, lãng phí trong.

20. Bổ sung nội dung về hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước:

Bổ sung, làm rõ một số nội dung liên quan đến quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; tình hình và kết quả cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, gồm:

+ Các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước (nếu có), các sai phạm khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn tài sản nhà nước được phát hiện và kết quả xử lý (nếu có).

+ Tình hình và kết quả mua, bán, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trong đó phân tích, đánh giá làm rõ việc xác định giá trị quyền sử dụng đất vào vốn hoặc cổ phần của Nhà nước trong việc mua, bán, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 27 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai ngày 06 tháng 01 năm 2017.

+ Tình hình và kết quả thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Số các doanh nghiệp NN đã thực hiện cổ phần hóa và diện tích đất của các doanh nghiệp nhà nước chuyển sang doanh nghiệp cổ phần. Trong đó làm rõ số các doanh nghiệp cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất, thuê đất; diện tích đất giao, đất cho thuê; giá đất tính tiền sử dụng đất, tính tiền thuê đất; thời điểm xác định giá đất tính tiền sử dụng đất, tính tiền thuê đất (trước, sau hay tại thời điểm cơ quan nhà nước có

thẩm quyền có quyết định giao đất, cho doanh nghiệp cổ phần thuê đất).

21. Bổ sung tại phần Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, xử lý vi phạm trong THTK, CLP tại sở, ngành, địa phương:

Đôi với từng nội dung làm rõ: (i) tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán; (ii) số liệu sai phạm; (iii) trách nhiệm người đứng đầu và tổ chức; (iv) hình thức xử lý.

22. Bổ sung, làm rõ các nội dung, thông tin, số liệu đã được các cơ quan thông tấn, báo chí nêu trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với các vi phạm, thất thoát, lãng phí chi tiêu NSNN, vốn nhà nước, các dự án đầu tư không hiệu quả, các dự án treo, đất đai để hoang hóa thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương.

23. Đánh giá chung:

Bổ sung Đánh giá sát kết quả đạt được; tồn tại hạn chế; nguyên nhân (chủ quan và khách quan) và bài học kinh nghiệm.

24. Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác THTK, CLP và đề xuất kiến nghị:

Bổ sung các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác THTK, CLP và Đề xuất kiến nghị.